

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH V**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số:05/2020/HNGĐ- ST
Ngày 10 tháng 6 năm 2020
“Về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V - TỈNH V**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nữ Hương Huyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Gia Đình và ông Sái Văn Trọng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Tuấn- Thư ký Toà án nhân dân thành phố V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Hương Dung- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố V đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 55/2020/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 *“Về việc tranh chấp Hôn nhân gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXX ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Ngọc A, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn K, xã N, huyện T, tỉnh P; hộ khẩu thường trú: Số 4, ngõ 1 đường Hà Huy T, phường T, thành phố V, tỉnh V (có mặt).

Bị đơn: Anh Lâm Văn H; sinh năm 1987; hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 4, ngõ 1 đường Hà Huy T, phường T, thành phố V, tỉnh V (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Toà án, nguyên đơn, chị Hoàng Thị Ngọc A trình bày:***

Chị A và anh Lâm Văn H kết hôn tháng 8/2009. Trước khi cưới được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh V. Sau khi kết hôn, chị A về làm dâu chung sống cùng gia đình anh H ở phường T, thành phố V, tỉnh V. Trong quá trình chung sống hòa thuận nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên cờ bạc không chịu làm ăn nên thường xuyên cãi nhau. Tháng 12 năm 2018 chị A bị bắt tạm giam và sau đó đi chấp hành hình phạt tù với thời hạn 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đến tháng 12 năm 2019 được trở về địa phương nhưng chị A không về nhà mà về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã N, huyện T, tỉnh P từ đó cho đến nay không ai quan tâm

và có trách nhiệm với nhau. Chị A đề nghị ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lâm Văn T, sinh ngày 02/3/2010 và Lâm Việt C- sinh ngày 23/7/2011. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh H. Sở dĩ cả hai cháu ở với anh H là vì chị A phải đi cải tạo tại Trại giam Quyết Tiến, Tuyên Quang từ ngày 25/12/2018 đến ngày 25/12/2019. Ngay sau khi được ra trại chị A đến đón các con về nhà bố mẹ đẻ ở T nhưng anh H không cho đón. Tiếp sau đó chị A đã nhiều lần đến thăm các con nhưng anh H không cho gặp.

Ly hôn chị A đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lâm Việt C, anh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lâm Văn T. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh Lâm Văn H trình bày: Anh H xác nhận lời trình bày của chị A về quá trình chung sống, thời gian kết hôn như chị A trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, không tôn trọng nhau nên chị A xin ly hôn, anh H đồng ý vì xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị A trình bày, hiện nay các cháu đang ở cùng anh H vì ngày 25/12/2018 chị A bị bắt tạm giam và phải chấp hành hình phạt 01 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” đến ngày 25/12/2019 thì chị A được trở về địa phương nhưng ở tại nhà bố mẹ đẻ tại N, T, P thì các cháu vẫn ở cùng anh H. Ly hôn anh H đề nghị được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu mà không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con. Sở dĩ anh H không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con là vì trong thời gian các cháu ở với anh thì cuộc sống của các cháu vẫn được đảm bảo.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng mọi trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ giấy triệu tập của Tòa án.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật áp dụng trong vụ án: Đây là vụ án tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”, do đó pháp luật được áp dụng để giải quyết vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình; Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Ngọc A và anh Lâm Văn H kết hôn tháng 8 năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Sau khi kết hôn chị A và anh H ở tại nhà đất của bố mẹ chồng tại đường Hà Huy T, phường T, thành phố V. Quá trình chung sống nảy sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung nên chị A đề nghị ly hôn. Phía anh H đồng ý ly hôn theo như đề nghị của chị A vì xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị A xin ly hôn anh H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị A để chị A được ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Lâm Văn T, sinh ngày 02/3/2010 và Lâm Việt C- sinh ngày 23/7/2011. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh H.

Ly hôn chị A đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lâm Việt C còn anh H được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lâm Văn T. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Phía anh H đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung của vợ chồng và không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng đề nghị được nuôi con của cả chị A và anh H là chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Lâm Văn T có nguyện vọng muốn ở cùng anh H, cháu Lâm Việt C có nguyện vọng được ở cùng cả bố và mẹ vì không muốn bố mẹ ly hôn. Bản thân chị A hiện nay đang ở cùng bố mẹ tại xã N, T, P là công nhân có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con. Do đó cần giao cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lâm Việt C, anh H được nuôi dưỡng cháu Lâm Văn T và các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ và công sức: Cả chị A và anh H đều không đề nghị giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị A phải nộp 300.000 đồng (đã nộp theo biên lai số 0006752 ngày 24/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Ngọc A được ly hôn anh Lâm Văn H.

2. Về con chung: Chị Hoàng Thị Ngọc A được trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Việt C, sinh ngày 23/7/2011. Anh Lâm Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Văn T- sinh ngày 02/3/2010. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hoàng Thị Ngọc A phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006752 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Chị A đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự và luật sửa đổi một số điều của luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố V;
- Chi cục THA thành phố V;
- Các đương sự;
- UBND phường T, TP V, tỉnh V (ĐKKH năm 2004);
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Bùi Thanh Bình Nguyễn Thị Yên

Lê Nữ Hương Huyền

Nơi nhận:

- VKSND thành phố.
- Chi cục THA thành phố.
- Các đương sự.
- Lưu HS+ VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Nữ Hương Huyền

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

TỈNH VINH PHƯỚC

Độc lập — Tự do — Hạnh Phúc.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
Toà án nhân dân thành phố Vinh Yên

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Kim Dung.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Về vụ án giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Hằng – sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Hố Lẻ - Hội Hợp, V, V.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Hưng -
sinh năm 1980; Nơi cư trú: Xóm Chám, Định Trung, V, V (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đình – sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Khu HC1, Liên Bảo, V, V (có mặt).

Sau khi các thành viên Hội đồng xét xử thảo luận, biểu quyết 3/3 (100%)
thống nhất quyết định:

1. Áp dụng các điều 471; 474 và Điều 305 Bộ luật dân sự: Phạt lệnh án
phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Hằng.

Buộc bà Nguyễn Thị Đình phải trả thanh toán trả nợ cho chị Dương Thị
Hằng số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là: **103.680.000đ (Một trăm linh ba triệu
sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).**

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Đình phải chịu 2.592.000đ (Hai triệu năm
trăm chín hai nghìn đồng chẵn).

- Hoàn trả chị Dương Thị Hằng số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là:
2.510.000đ (Hai triệu năm trăm mười nghìn đồng chẵn).

Biên bản kết thúc vào hồingày 20 tháng 12 năm 2010, đã được
thông qua cho các thành viên HĐXX thống nhất ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Dung